

Công ty Cổ phần
Quản lý Quỹ Đầu tư FPT
FPT Fund Management
Joint Stock Company

**DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ
CẤU ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ
CHỨNG CHỈ ETF**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

**BASKET OF COMPONENT
SECURITIES AND CASH
TO EXCHANGE FOR ONE LOT OF ETF**

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM,
To: State Securities Commission of Vietnam, Ho Chi Minh Stock Exchange

- Tên CTQLQ/Fund Management company: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT/ FPT Fund Management Joint Stock Company
 - Tên Ngân hàng giám sát/Supervisory Bank: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành/ Bank for Investment and Development of Vietnam JSC - Ha Thanh Branch
 - Tên quỹ ETF/ETF name: Quỹ ETF FPT Capital VNX50/ FPT Capital VNX50 ETF
 - Mã chứng khoán/Securities symbol: FUEFCV50
 - Địa chỉ trụ sở chính/Main office address: Tầng 7, Khối 17 tầng, tòa nhà FPT Tower, Số 10, Phố Phạm Văn Bạch, Phường Cầu Giấy, Hà Nội/7th Floor, 17-story Block, FPT Tower, No. 10, Pham Van Bach Street, Cau Giay Ward, Hanoi
 - Điện thoại/Tel: (84)24 - 7300 1313 Fax:
- Chúng tôi thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ We announce the creation basket as follow:
- Ngày giao dịch hoán đổi/Exchange date: 25/9/2026
 - Đơn vị tính lô ETF/Unit: 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/1 lot of ETF = 100 000 ETF shares
- Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu để hoán đổi 1 lô ETF/ Components and weighting:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume	Weighting
I,	Chứng khoán (Stock)	1,628,992,000	99.41%
1	ACB	3,400	4.44%
2	BID	320	0.70%
3	BSR	270	0.49%
4	CTG	800	1.47%
5	DCM	100	0.21%
6	DGC	160	0.34%
7	DPM	720	1.00%
8	EIB	1,000	1.01%
9	FPT	1,100	4.38%
10	FRT	70	0.61%
11	GEE	60	0.26%
12	GEX	580	0.85%
13	GMD	260	1.21%
14	HCM	570	0.87%
15	HDB	2,760	4.66%
16	HPG	3,580	4.54%
17	IDC	220	0.45%
18	KBC	400	0.63%
19	KDH	560	0.54%
20	LPB	1,910	5.41%
21	MBB	3,500	4.24%
22	MSB	1,870	1.63%
23	MSN	600	2.59%
24	MWG	780	3.47%



25	NLG	300	0.42%
26	NVL	960	0.71%
27	PDR	500	0.35%
28	PLX	50	0.11%
29	PNJ	300	0.61%
30	POW	500	0.38%
31	PVS	240	0.47%
32	SHB	2,600	1.84%
33	SHS	550	0.47%
34	SSI	1,420	1.81%
35	STB	1,240	5.82%
36	TCB	2,700	5.43%
37	TPB	1,000	0.90%
38	VCB	660	2.34%
39	VCG	270	0.23%
40	VCI	600	0.74%
41	VHM	1,720	6.86%
42	VIB	1,530	1.26%
43	VIC	750	10.53%
44	VIX	1,690	1.31%
45	VJC	200	1.61%
46	VND	700	0.62%
47	VNM	570	2.11%
48	VPB	3,840	5.18%
49	VPI	110	0.41%
50	VRE	600	0.88%
II,	Tiền (Cash)	9,692,407	0.59%
II,	Tổng (Total) (I+II)	1,638,684,407	100.00%

-Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi /Spread between a basket of component securities and the value per lot of ETF:

-Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket: 1,628,992,000

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND) 1,638,684,407

- Giá trị chênh lệch/Difference in value: (VND) 9,692,407

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/With cash component:

Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order: *Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer cash component*

Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order: *Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*

- Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán/Securities symbol	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)/Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Đối tượng áp dụng/Applied investors	Lý do/Reason
ACB	23,540	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
MBB	21,835	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
MWG	80,190	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit

